

Ngày	10,000 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	6.4%	12.4%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
Số lượng CPLH (CP)	1,319,710
KLGD BQ 20 phiên (CP)	630
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.86)
EPS	286
P/E	34.9

DT thuần

Q1/24

25.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.4| -41.7%

YoY: ▲ 21.1| 463%

LN trước thuế

Q1/24

0.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.75| -95.3%

YoY: ▲ 0.14| 138%

LN sau thuế

Q1/24

0.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.57| -95.0%

YoY: ▲ 0.13| 130%

ROA

2023

0.2%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

2023

89.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼27.7| -23.7%

LN trước thuế

2023

0.71

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.33| 86.5%

LN sau thuế

2023

0.23

tỷ VNĐ

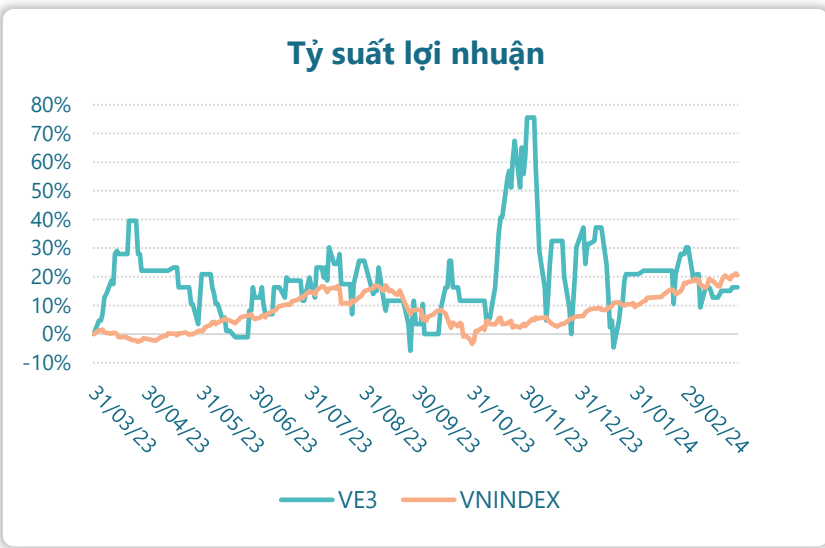
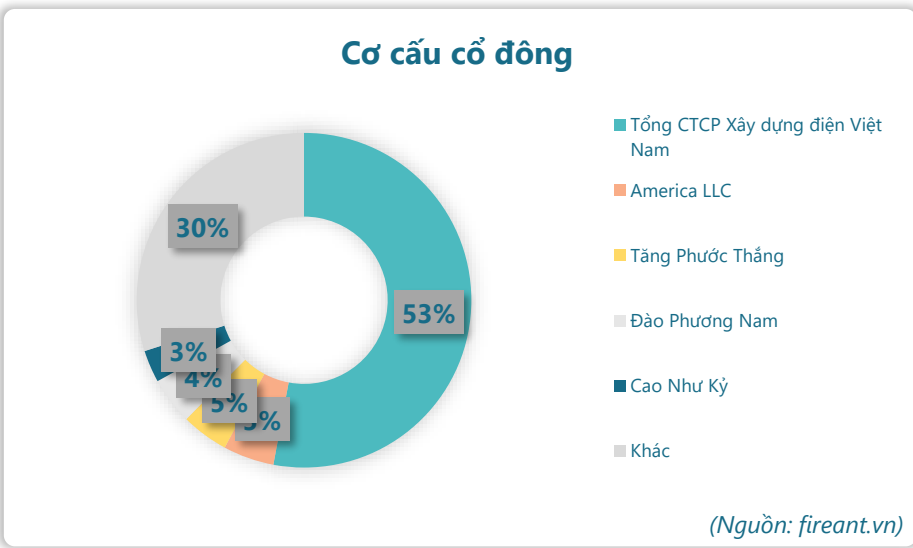
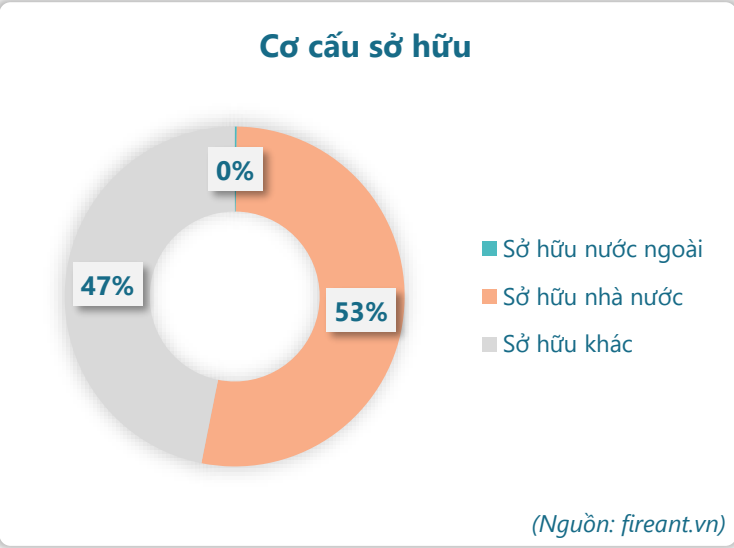
YoY: ▲ 0.20| 686%

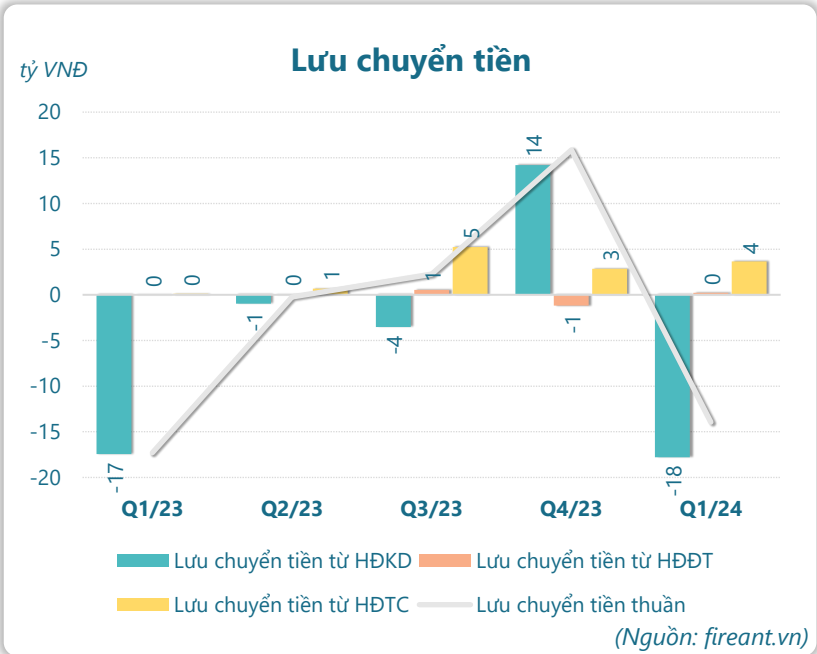
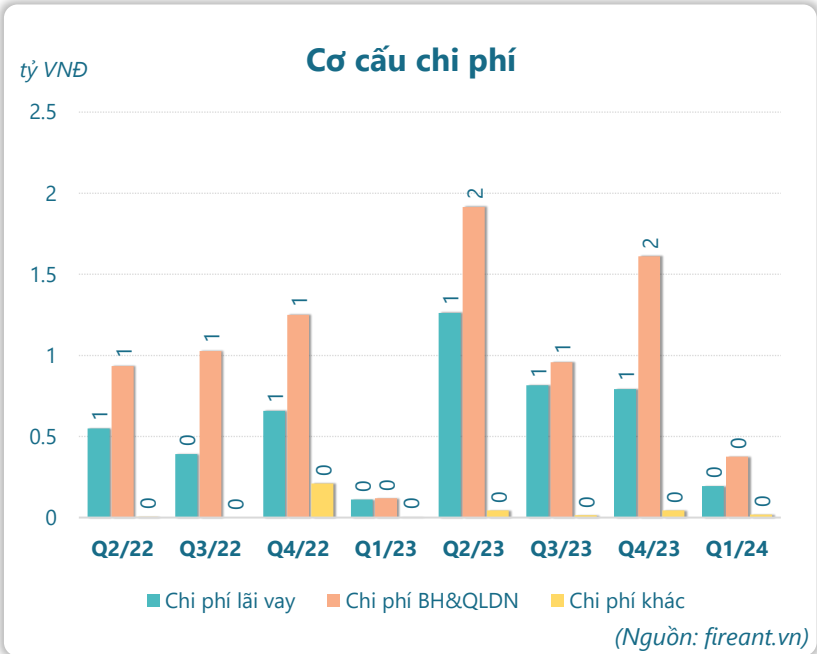
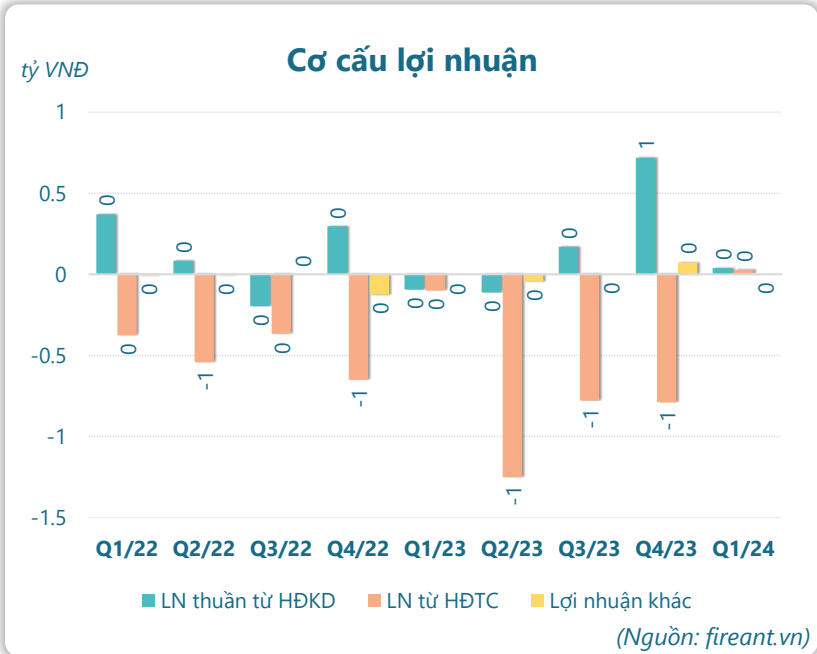
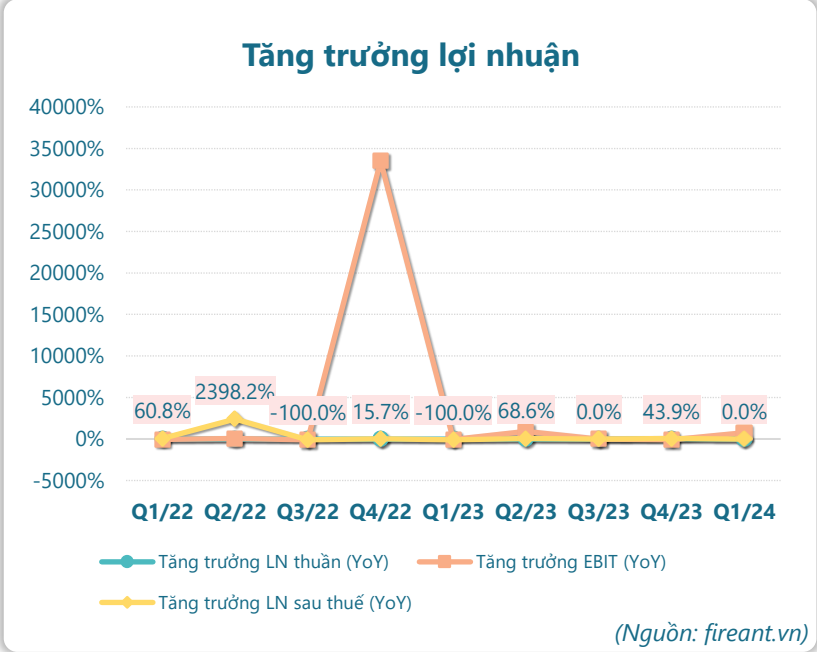
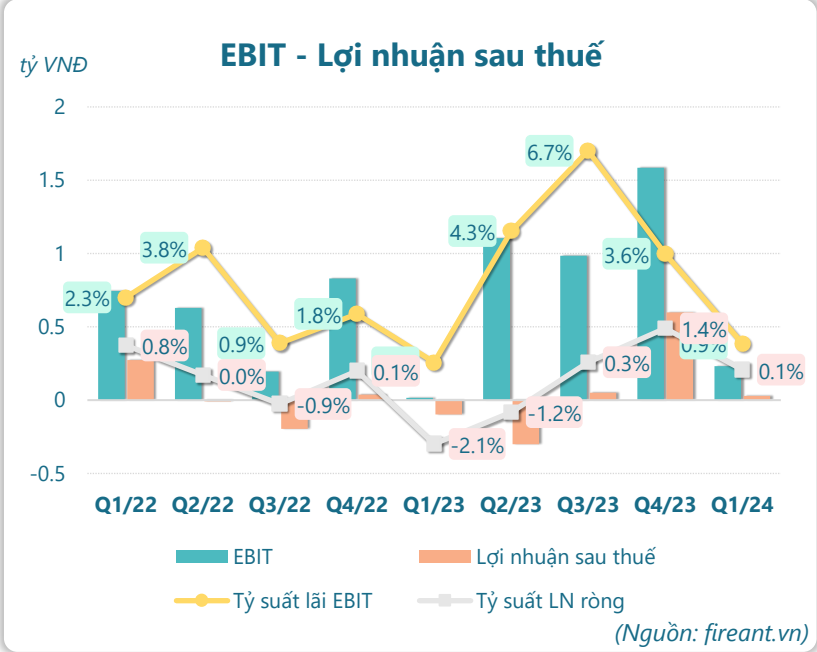
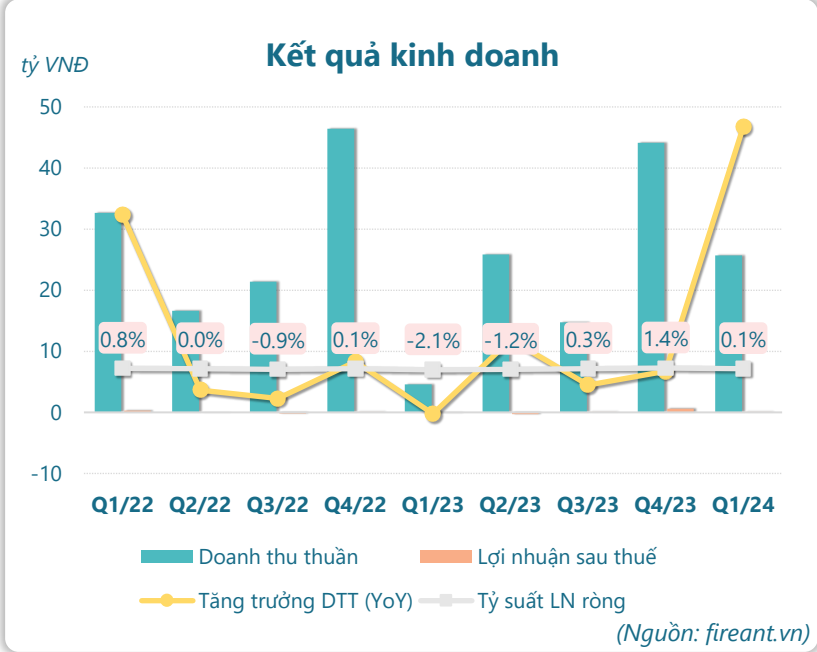
ROE

2023

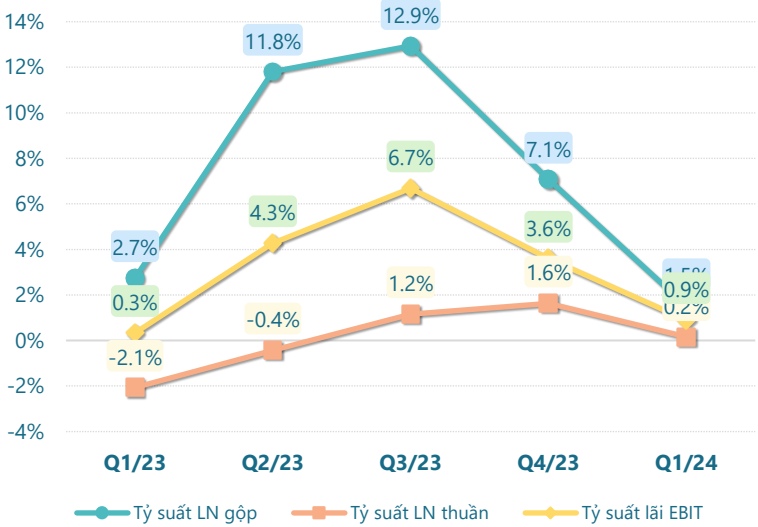
1.2%

+/- YoY: ▲ 1.1%



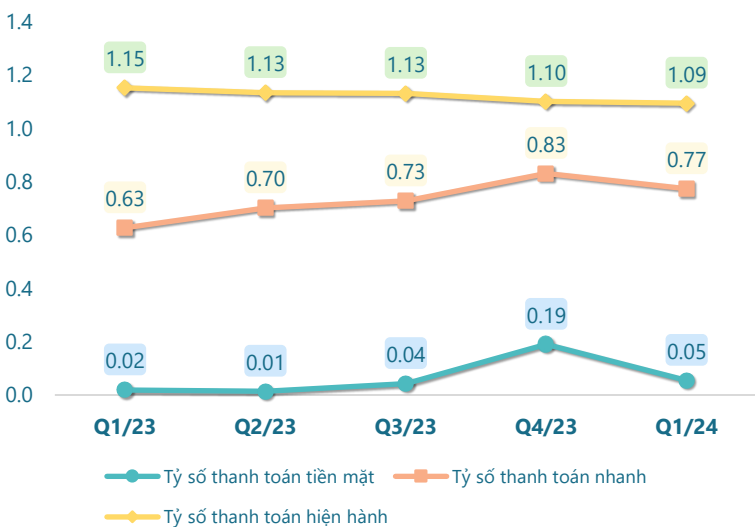


Tỷ suất lợi nhuận



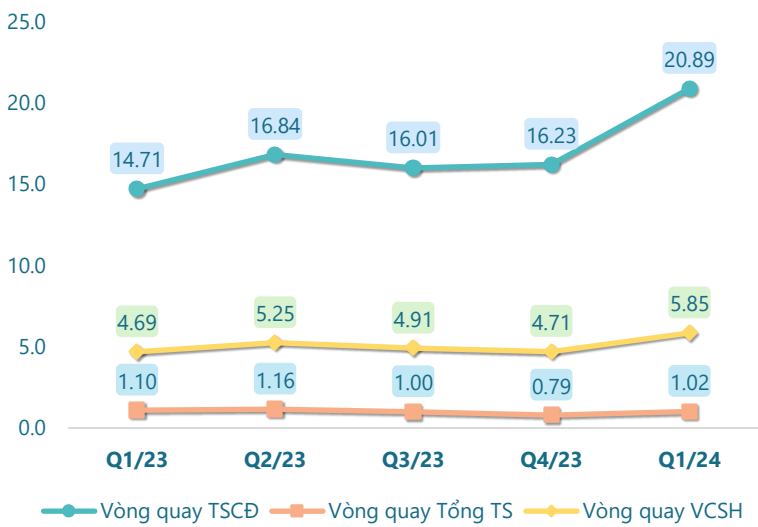
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



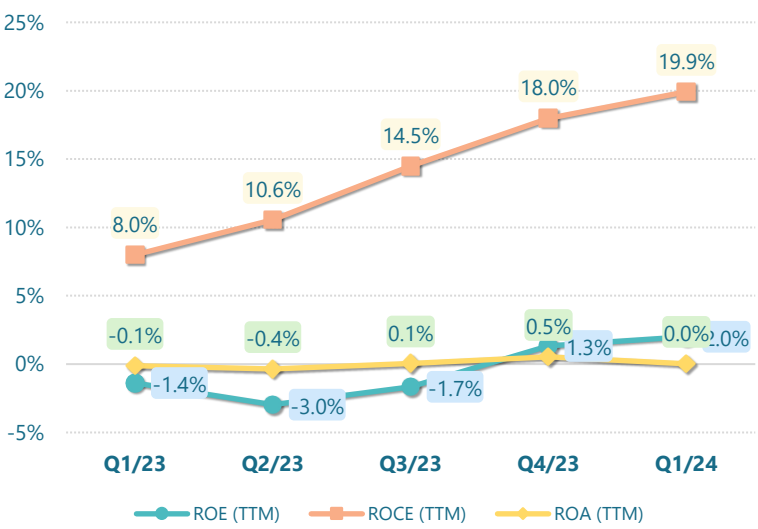
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



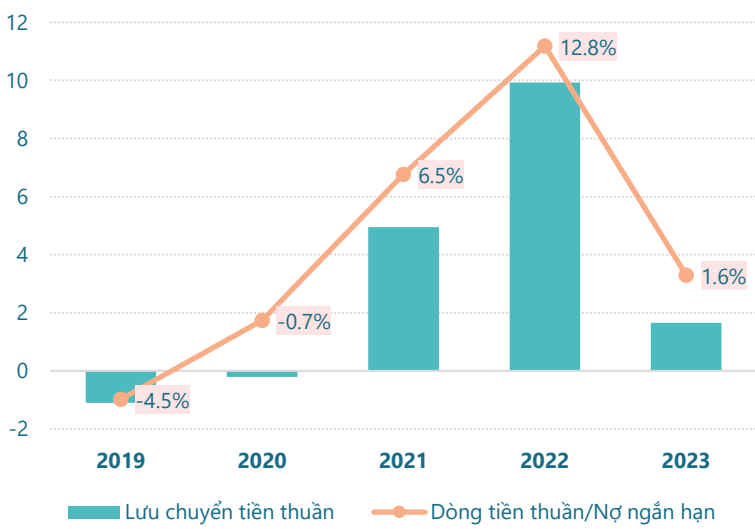
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



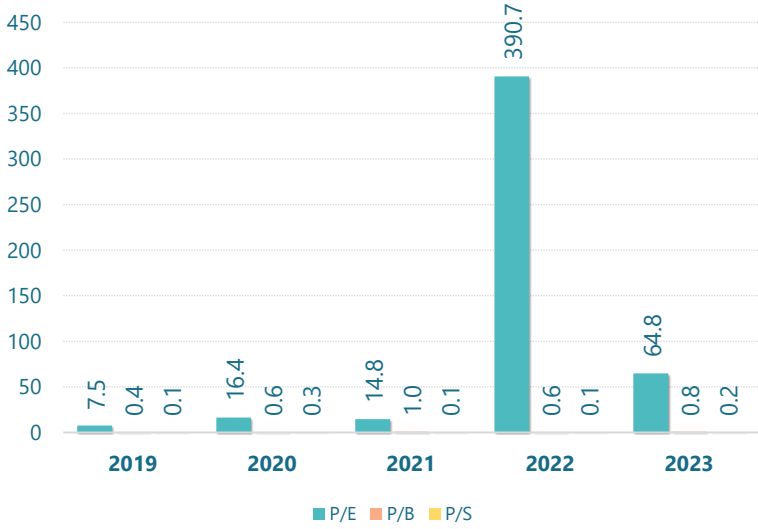
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)